

ĐỊA DANH VŨNG TÀU

Nguyễn Thanh Lợi*

Vũng Tàu ngày nay là một thành phố ba phía giáp biển, một trung tâm du lịch nổi tiếng của cả nước. Thành phố Vũng Tàu là tỉnh lỵ của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, cách thành phố Hồ Chí Minh 125km. Ngoài thế mạnh du lịch, nơi đây còn là “căn cứ” hậu cần của ngành dầu khí ở phía Nam.

Từ một vùng đất hoang vắng nằm ở cửa ngõ của Sài Gòn vào đầu thời Nguyễn, đến nay Vũng Tàu đã trở thành một trung tâm kinh tế năng động trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Trong lịch sử, vùng đất này đã có nhiều tên gọi vốn có nhiều cách hiểu khác nhau, thường gây ra những ngộ nhận. Bài viết này góp phần vào việc tìm hiểu tên gọi của địa danh này qua các thời kỳ.

Địa danh Vũng Tàu

Năm 1295, Châu (Chu) Đạt Quan theo đoàn sứ giả thăm Chân Lạp, ông đã mô tả đoạn đường qua Bà Rịa – Vũng Tàu: “Rời bến Ôn Châu (Wen-tcheou) ở Triết Giang (Tchô-Kiang) và thẳng hướng đình vị (hướng nam-tây nam) chúng tôi đi qua hải cảng của các châu Phước Kiến (Foukien) tỉnh Quảng Đông (Koung-Tong) và hải ngoại. Chúng tôi vượt biển Thất Châu Dương đi ngang biển Giao Chỉ Dương và đến xứ Chiêm Thành (Tchan-Ch’eng). Ở đây, nhờ thuận gió, trong vòng mười lăm ngày ta có thể đến thị trấn *Chân Bô* (Tchen-p’ou vùng Cap Saint Jacques hay Bà Rịa), đó là biên giới xứ Chân Lạp”.⁹

Trong bản dịch của Paul Pelliot cũng chú *Chân Bô* là bờ biển Bà Rịa, nay thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.¹⁰

Dựa vào những ghi chép của Châu Đạt Quan trong *Chân Lạp phong thổ ký*, Nguyễn Đình Đầu cũng đưa ra phỏng đoán: “Thị trấn *Chân Bô* có lẽ là ngôi làng đánh cá tương đối trù phú ở chân núi Vũng Tàu. Từ núi Vũng Tàu tới mũi Cà Mau, bờ biển rất thấp và có tới

* Cao đẳng Sư phạm TW-TP.HCM

⁹ Châu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ ký*, Lê Hương dịch, Kỷ Nguyên Mới xb, Sài Gòn, tr.21-22.

¹⁰ Paul Pelliot, *Mémoires sur les coutumes du Cambodge*, BEFEO, 1902, p.158 dẫn theo Chu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ ký*, Hà Văn Tấn dịch, Phan Huy Lê giới thiệu, Nguyễn Ngọc Phúc chú thích, NXB Thế giới, 2006, tr.22.

“mười” cửa sông. Châu Đạt Quan đã lấy Chân Bồ tức núi Vũng Tàu làm điểm tựa để tính đường đi là rất đúng”.¹¹

Từ đầu thế kỷ 16, vùng đất nay là Vũng Tàu đã được nhiều nhà du hành châu Âu để chân tới trên con đường tìm kiếm thị trường cũng như khai thác các nguồn hàng mới ở châu Á. Từ năm 1516, những thương nhân Bồ Đào Nha đã thăm dò vùng biển này. Năm 1523, sử sách Bồ Đào Nha mới chính thức công nhận Duarte Coello là người Bồ Đào Nha đầu tiên biết đến nước Đại Việt, dù rằng trước đó đã có những chuyến thăm dò do Fernão Peres de Andrade tiến hành vào năm 1516. Các chuyến hải trình từ Ấn Độ sang Trung Quốc đều phải qua Côn Đảo và đây là điểm định vị để vào Chân Lạp, Champa, Đại Việt. Vũng Tàu lúc ấy được biết đến với cái tên *Oporto Cinco Chagas Verdadeiras* với ý nghĩa là “vịnh nằm giữa những núi Cinco Chagas”. Nơi đây có thể cung cấp nước ngọt, củi đốt và cả gỗ tốt để làm cột buồm cho những chuyến hải trình tiếp theo.¹²

Địa danh này được giải thích là “năm vết thương của Chúa cứu thế”, vì ở đây có 5 ngọn núi nằm liền kề nhau với những chỗ trũng thấp (brèche). Nó là tín hiệu vui đối với các nhà hàng hải sau nhiều ngày lênh đênh trên biển, báo hiệu một vùng đất mới. Năm ngọn núi đó là: núi Nhỏ, núi Lớn, núi Nứa, núi Dinh, núi Bà Rịa. Những trái núi lớn nhỏ đó rất dễ nhận diện từ ngoài khơi, chúng bao quanh một thung lũng thấp, thông với những bãi biển thoải dài. Những quãng thấp đó được gọi là những chỗ thủng của dãy núi *Cinco Chagas*. Trong các bản đồ của Bồ Đào Nha thế kỷ 16-18 đều ghi Vũng Tàu với một tên gọi thống nhất là *Cinco Chagas*. Sau đó, Maner Vilet, tác giả cuốn hải trình nổi tiếng *La Neptune Oriental* (Biển phương Đông) đã thế vào bằng địa danh *Saint Jacques* và được người Bồ Đào Nha chấp nhận, vì đó là tên vị thánh bảo hộ đất nước của họ.¹³

Rất tiếc là Lữ Huy Nguyên và Giang Tấn không chỉ rõ nguồn tài liệu dẫn nên rất khó kiểm chứng về tính xác thực của nó.

Một cách giải thích khác về địa danh này là do cách phát âm của các thủy thủ người Âu mà từ *Cinco Chagas* trở thành *Sinkel Chagas* và sau cùng là *Saint Jacques*.¹⁴

Tuy nhiên, *Từ điển Larousse* ghi nhận về một vị thánh Saint Jacques nhưng không phải là vị thánh bảo hộ của Bồ Đào Nha như cách giải thích của hai tác giả cuốn *Đất thắng cảnh Vũng Tàu*: “Jacques Lớn: sinh ở Bethsaide, Galilée, mất ở Jérusalem năm 44, tông đồ của Jesus, con trai của Zébédée, anh (em) của Jean l’Évangélise. Một truyền thuyết cho rằng ông là **tông đồ của Tây Ban Nha** (NTL nhấn mạnh). Di thể của ông được tôn thờ ở Compostelle từ thế kỷ 10, đã trở thành mục đích của một cuộc hành hương nổi tiếng”.¹⁵

Một thuyết khác giải thích về nguồn gốc địa danh *Cap Saint Jacques*: “Từ đó chúng ta dong buồm ghé vào Vũng Tàu mà người Tây phương gọi là Cap Saint

¹¹ Nguyễn Đình Đầu, *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam Kỳ lục tỉnh*, Hội Sử học Việt Nam, 1992, tr.29.

¹² Lữ Huy Nguyên-Giang Tấn, *Đất thắng cảnh Vũng Tàu*, NXB Văn hóa, 1987, tr.24-25.

¹³ Lữ Huy Nguyên-Giang Tấn, Sđd, tr.27-28; *Địa phương chí tỉnh Phước Tuy*, 1961, tr.3; *Địa phương chí thị xã Vũng Tàu*, 1968, tr.2; Huỳnh Minh, *Vũng Tàu xưa và nay*, Tác giả xb, Sài Gòn, 1970, tr.17.

¹⁴ Lữ Huy Nguyên-Giang Tấn, Sđd, tr.26-27.

¹⁵ *Le petit Larousse*, Larousse-Bordas, Paris, 1999, p.262.

Jacques vì ngày xưa các thủy thủ phương Tây có tìm thấy nơi này nhiều thứ sò lớn gọi là “coquille Saint Jacques”.¹⁶ Thông tin trong từ điển trên cho biết về loại sò này: “Nhuyễn thể ở biển, có 2 vỏ, sống ở Đại Tây Dương. Ăn được, nổi tiếng ngon. Chúng có thể di chuyển bằng cách khép 2 vỏ lại (dài 10cm, thuộc loại thuộc họ Pecten)”.¹⁷

Ở vùng biển Vũng Tàu cũng có một số loại sò như sò lông, sò huyết... Nhưng theo thông tin trong cuốn từ điển trên thì ở Vũng Tàu không thể có loại sò lớn “coquille Saint Jacques”. Cho nên giả thuyết nguồn gốc địa danh mà Thái Văn Kiểm đưa ra khó chấp nhận được.

Trong sách *Gia Định thành thông chí* (1820) của Trịnh Hoài Đức, địa danh *Vũng Tàu* được chép là *Thuyền Úc*: “Tục gọi *Vũng Tàu*, ở về phía đông cách trấn 234 dặm rưỡi. Lưỡi đất phôi ra ngoài biển, càng ra xa càng lớn. Phía bắc bao lấy cửa Tắc Ký, phía nam dựa vào Thát Sơn (núi Gành Rái), che khuất cửa biển Cần Giờ. Thế đất trông rất sung mãn, mặt vũng hướng về tây, lòng vũng to rộng là nơi thu kết các dòng nhỏ của các sông đầm và các ngòi rạch chảy về biển, làm nơi ghe thuyền đến đậu rất yên ổn”.¹⁸

Trong hồi ký của John White, địa danh *Vũng Tàu* được tác giả nhắc đến với cả hai tên gọi là mũi “Cape St. James” và vịnh “Vung-tau”.¹⁹

Năm 1822, Toàn quyền Ấn Độ nhân danh triều đình Anh gửi sang Việt Nam một phái bộ để điều đình việc giao thương, John Crawford cầm đầu phái bộ ấy đã ghi lại nhật ký cuộc du hành đến nước ta. Năm 1830 cuốn sách đó được xuất bản ở London dưới tựa đề *Journal of an Embassy from the Governor General of India to the Courts of Siam and Cochinchina*. Trong đó nhiều lần nhắc đến địa danh *Vũng Tàu* với tên gọi là *St. James*: “Theo dự định đó, chúng tôi cho căng buồm từ cửa vịnh Pulo Condore (Côn Đảo-NTL chú) vào lúc 5 giờ sáng, tiến thẳng vào mũi *St. James* (Saint-Jacques, *Vũng Tàu*). Từ sáng sớm hôm qua, đã nhìn thấy mũi *St. James* cách xa khoảng 25 hải lý, hiện ra như 3 hòn đảo nhỏ (...). Mũi *St. James* là một quả núi cao từ ba đến bốn trăm bộ, tạo thành bờ phía đông của cửa sông Saigon (sông Sài Gòn-NTL chú) (...). Buổi chiều, khi thủy triều lên cao, chúng tôi giương buồm đi vào bến Kandyu (Cần Giờ), tới đây trước khi trời tối. Khi chúng tôi qua làng *Pungtao* (*Vũng Tàu*), một làng nằm ngay ở góc *Vũng*-nơi mà các mỏm núi tạo thành mũi *St. James* chấm dứt (...)”.²⁰

Địa danh *Vũng Tàu* trong sách này được chú giải là: “tiếng Pháp gọi là Cap Saint Jacques, cũng còn gọi là Ô Cáp, *Thuyền Úc*”.²¹

Trong bản dịch của Nguyễn Tạo, địa danh đang được bàn đến vẫn được gọi là *Vũng Tàu*.²² Tuy nhiên, đến bản dịch của Viện Sử học thì địa danh *Thuyền Úc* lại được chừa là

¹⁶ Thái Văn Kiểm, *Đất Việt trời Nam*, Nguồn Sống xb, Sài Gòn, 1960, tr.37.

¹⁷ *Le petit Larousse*, Larousse-Bordas, Paris, 1999, p.1.424.

¹⁸ Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Tái bản lần thứ nhất, Lý Việt Dũng dịch và chú giải, Huỳnh Văn Tới hiệu đính, giới thiệu, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2006, tr.37.

¹⁹ John White, *History a voyage the China Sea*, Boston, 1823, p.168.

²⁰ Trần Bạch Đằng-Dương Minh Hồ chủ biên, *Sơ khảo huyện Cần Giờ (TP. Hồ Chí Minh)*, NXB Khoa học xã hội, 1993, tr.90-91.

²¹ Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch và chú giải, Sdd, tr.37.

²² Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Tập thượng, Nguyễn Tạo dịch, Nha Văn hóa Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, 1972, tr.31.

“tục danh Vụng Tàu”.²³ Trong tiếng Việt có danh từ “vụng biển”, hay “vũng biển”,²⁴ nhưng theo chúng tôi, địa danh liên quan này nên dịch là “vũng”, nhưng “vũng” là phương ngữ Nam Bộ nên nó thích hợp với cách đặt địa danh ở phía Nam như ta vẫn thường thấy trong các địa danh: vũng Hàn, vũng Thùng (Đà Nẵng), vũng Quýt (Quảng Ngãi), vũng Rô (Phú Yên), vũng Dương (Bà Rịa-Vũng Tàu), vũng Gấm (Đồng Nai)...

Địa danh *Thuyền Úc* trong chữ Hán có thể được dịch ra là *Vũng Thuyền* hay *Vũng Tàu*, nhưng do ảnh hưởng của phương ngữ Nam Bộ nên người ta vẫn quen gọi *Vũng Tàu* hơn. Từ “vũng tàu” dần dần đã du nhập vào ngôn ngữ toàn dân, bằng chứng dễ thấy nhất là trong cuốn từ điển tiếng Việt khá phổ biến hiện nay với nghĩa: “*Vùng nước giáp bờ, dùng làm nơi neo đậu hoặc chuyển tải của tàu thủy*”. Hay như từ “vũng”: “*Khoảng biển ăn sâu vào đất liền, ít sóng gió, tàu thuyền có thể trú ẩn được*”.²⁵

Trước đó, *Tự vị Annam- Latinh* (1772) định nghĩa về “vũng tàu” là “*nơi tàu đậu*”.²⁶

Hoặc trong quyển từ điển giải thích ngôn ngữ dân tộc bằng chữ quốc ngữ đầu tiên của Việt Nam là *Đại Nam quốc âm tự vị* (1895) thì “vũng” được giải thích là “*chỗ nước đọng lại nhiều, chỗ nước sâu có thể cho tàu thuyền đậu*”. “Vũng tàu” là “*chỗ tàu thuyền đậu*”.²⁷

Trong *Tiểu giáo trình địa lý Nam Kỳ* (1875), phần viết về các cửa biển ở tỉnh Biên Hòa, bên cạnh các cửa Lấp (Giếng Bông), Xích Ram, cửa “Vũng Tàu” có tên chữ Hán là “Thuyền Úc”.²⁸ Thực ra cách gọi “cửa Vũng Tàu” của Trương Vĩnh Ký là không chính xác. Đúng hơn phải gọi là “vịnh Vũng Tàu”, vì bán đảo Vũng Tàu nằm bên cửa ngõ vào Sài Gòn với cửa Cần Giờ (Cần Giờ hải tảo).

Như vậy, từ một địa danh Nôm, *Vũng Tàu* đã được các sử quan nhà Nguyễn “dịch” qua chữ Hán thành *Thuyền Úc* như đã thấy trong sách *Gia Định thành thông chí*. Một dẫn dụ khá tiêu biểu đó là địa danh *Vũng Gò* trong dân gian đã được chuyển thành *Cù Úc* trong các sách chữ Hán.

Năm 1776, khi Lê Quý Đôn viết *Phủ biên tạp lục* có nhắc đến Vũng Tàu ít nhất là 2 lần trong tác phẩm trên: “*đến xứ Vũng Tàu ở đầu côi Gia Định là chỗ hải đảo, có dân cư, hạ buồm đậu vào, hỏi thăm nơi nào được mùa nơi nào mất mùa, biết nơi nào được mùa mới đến ở. Trên thì có cửa biển Cần Giờ, ở giữa thì vào cửa biển Soài Rạp, dưới thì có*

²³ Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tình dịch, Đào Duy Anh hiệu đính và chú thích, NXB Giáo dục, 1998, tr.29.

²⁴ *Vũng biển*: vịnh nhỏ, phần biển ăn sâu vào lục địa, ít chịu ảnh hưởng của sóng gió, thường được giới hạn ở phía ngoài bởi mũi đá, đảo hay doi cát, nơi tương đối kín, neo tàu thuận lợi (vd. Vũng Rô, Vũng Tàu, vv.) (*Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Tập 4, NXB Từ điển bách khoa, 2005, tr.949)

²⁵ Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, In lần thứ mười, có sửa chữa, NXB Đà Nẵng-Trung tâm Từ điển học, 2004, tr.1132.

²⁶ Pierre Pigneaux de Béhaine, *Tự vị Annam Latinh*, Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên dịch và giới thiệu, NXB Trẻ, 1999, tr.444. Trong sách này ghi rõ “Vũng tàu” là một danh từ chung chứ không phải là địa danh như cách hiểu sai trong sách *Địa chí Bà Rịa-Vũng Tàu* (Thạch Phương-Nguyễn Trọng Minh chủ biên, NXB Khoa học xã hội, 2005, tr.114-115)

²⁷ Huỳnh Tịnh Paulus Của, *Đại Nam quốc âm tự vị*, NXB Trẻ, 1998, tr.1179.

²⁸ Trương Vĩnh Ký, *Tiểu giáo trình địa lý Nam Kỳ*, Nguyễn Đình Đầu lược dịch và chú thích, NXB Trẻ, 1997, tr.28.

cửa Đại cửa Tiểu”²⁹, “Tháng 3, đánh phá cửa Lấp Vũng Tàu, vào cửa biển Cần Giò, đốt phá Sài Gòn, lấy ba dinh Phiên Trấn, Trấn Biên và Long Hồ”.³⁰

Địa danh *Vũng Tàu* xuất hiện đầu tiên trong lịch sử với sự kiện diễn ra vào năm 1789 với tư cách đơn vị hành chính là *đạo Vũng Tàu*.³¹

Sách *Đại Nam thực lục* ghi: “Mùa thu, tháng 7 (1792-NTL chú), thuyền vua về đậu ở **Vũng Tàu Phan Rang** (NTL nhấn mạnh) Vì không thuận buồm xuôi gió, bèn chạy dụ cho Nguyễn Hoàng Đức và Tán lý Chiêu đem bộ binh đánh úp lấy Phố Hải, đội thủy quân đến hội ở Thạch Cốc (tên đất thuộc Bình Thuận)”. Bản dịch của sách này còn chú giải thêm: “Vũng Tàu tức cửa biển Phan Rang, khác với Vũng Tàu ở cửa biển Cần Giò”.³² Với cách ghi “Vũng Tàu Phan Rang” như vậy thì “Vũng Tàu” ở đây không thể là địa danh được mà chỉ xem như là một danh từ chung.

Trong *An Nam đại quốc họa đồ* (1838) có ghi một số địa danh lân cận trong khu vực như: “mũi Vịnh Tàu”, “cửa Lấp”, “mũi Thùì Vân”.³³ Địa danh Vũng Tàu lúc này được gọi là “Vịnh Tàu”.

Từ thời các chúa Nguyễn ở đây có *thủ Vũng Tàu*,³⁴ tồn tại đến thời Gia Long, có một thủ ngữ và một thừa biện. Năm 1788 đặt phong hỏa đài. Năm Minh Mạng thứ 5 (1824) đổi tên thành *thủ Phước Thắng*.³⁵

Về nguồn gốc hình thành 3 địa danh *Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam*, tài liệu lịch sử ghi: “Tháng 11-1790, miễn đao dịch cho thuộc binh và dân phụ lũy ở các đạo thủ cửa biển bốn dinh. Dinh Phiên Trấn, đạo thủ cửa biển Đồng Tranh; dinh Trấn Biên, đạo thủ Xích Lam, thuyền Kiên Nhất đội Kiên Hải thuộc binh, đạo thủ Lý Lê, ba thuyền Thuận Nhất, Thuận Nhì, Thuận Tam làm hải đội, thuyền Tân Nhất thuộc binh, đội Hàm Ngư, nhất thôn Thanh Chữ phụ lũy, đạo thủ cửa biển Tắc Khái, thôn Tỉnh Bồng phụ lũy; đạo thủ Vũng Tàu Ghềnh Rái, ba thuyền Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam thuộc binh”.³⁶

Năm 1836, tổng An Phú Thượng, huyện Phước An có 4 xã, 4 thôn, 1 phường, 3 thuyền. Trong đó có 3 thuyền³⁷: *Thắng Nhì, Thắng Nhứt, Thắng Tam*.³⁸ Sau này gọi

²⁹ Lê Quý Đôn, *Toàn tập, Tập 1, Phú biên tạp lục*, NXB Khoa học xã hội, 1977, tr.124.

³⁰ Lê Quý Đôn, Sdd, tr.77-78.

³¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, NXB Giáo dục, 2002, tr.258. Xem thêm: Nguyễn Đình Tư, *Về một số địa danh trong sách “Lược khảo nguồn gốc địa danh Nam bộ”*, Tạp chí *Xưa và Nay*, số 76B, tháng 6, 2000, tr.30-31.

³² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sdd, tr.287.

³³ Taberd, *An Nam đại quốc họa đồ*, in trong *Tự điển Latinh-Việt*, 1838.

³⁴ Nguyễn Linh trong bài viết *Thành Phước Thắng ở Vũng Tàu* in trên tập san *Vũng Tàu du lịch bốn mùa*, tháng 12, 1996, sau được in lại trong cuốn *Bà Rịa Vũng Tàu đất và người* (Nguyễn Thị Tuyết chủ biên, NXB Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr.194) có sự nhầm lẫn khi cho rằng dưới thời Gia Long, ba đội quân được phái đến trấn thủ ở vùng đất nay là Vũng Tàu thuộc *Thuyền Úc thủ*, tức đồn Vũng Tàu. Vì *thuyền* (đơn vị quân đội cấp thấp nhất) thì thuộc cơ hoặc đội chứ không thuộc *thủ*.

³⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 5, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, NXB Thuận Hóa, 1992, tr.65.

³⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sdd, tr.266.

³⁷ Thời các chúa Nguyễn, quân đội có bộ binh, thủy binh và tượng binh, chia làm thuyền, đội, cơ, dinh. Thuyền là đơn vị thấp nhất. Cơ có khi gồm nhiều thuyền hoặc nhiều đội, số thuyền và số đội của mỗi cơ không nhất định. Số lính của mỗi cơ cũng không nhất định: 260, 300, 500, có khi đến 2.700 như cơ Tiền Trung bộ. Đội chia làm nhiều thuyền, 4-5 thuyền, từ 220-500 lính. *Thuyền* thì thuộc cơ hoặc đội, 30-50 hoặc hơn 100 lính. (Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong 1558-1777*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1967, tr.468-469). *An Nhứt*

chung là *Tam Thắng*. Sử liệu cho biết, vào năm 1837, số người ở 3 thuyền Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam được gộp tính rồi khấu trừ đi một phần, số còn lại chọn đồn thành 4 đội, sung vào 2 vệ thuộc thủy vệ tỉnh Biên Hòa.³⁹

Huỳnh Minh đưa ra 2 giả thuyết về nguồn gốc địa danh *Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam*. Truyền thuyết thứ nhất cho rằng, sau khi Gia Long lên ngôi, đã cho những phần tử “bất hảo” từ Huế vào khai phá vùng đất Vũng Tàu. Khoảng một thế kỷ sau, nơi đây đã biến thành một thị trấn phồn thịnh. 3 làng *Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam* ấy gọi chung là “Tam Thoàn” để kỷ niệm 3 chiếc thuyền đầu tiên đã cập bến này.

Truyền thuyết thứ hai kể rằng những người sáng lập nên ba làng Tam Thắng ở Vũng Tàu là những người lính thuộc ba đội quân đi trên 3 chiến thuyền, mỗi chiếc thuyền do một viên đội trưởng chỉ huy. Họ đã đánh đuổi bọn cướp biển Mã Lai, giữ gìn an ninh ở địa phương, lập doanh trại Phước Thắng. Năm 1822, vua Minh Mạng cho họ giải ngũ và được ở lại khai khẩn vùng đất này. Phạm Văn Dinh lập làng Thắng Nhất, Lê Văn Lộc lập làng Thắng Nhì, Ngô Văn Huyền lập làng Thắng Tam. Vua Minh Mạng ban 3 lá sắc cho 3 làng. Nhưng cả 3 lá sắc này đều được thờ ở đình Thắng Tam.⁴⁰

Một tài liệu khác cho biết, khi triều đình ban sắc phong, cả 3 làng đều cử người ra kinh đô nhận, nhưng do không chờ đợi được, nên 2 làng Thắng Nhất, Thắng Nhì đã bỏ về. Do vậy, làng Thắng Tam nhận luôn 3 lá sắc và thờ chung cả 3 vị thần Thành Hoàng. Hiện các sắc phong này đều bị thất lạc.⁴¹

Về các sắc phong cho 3 viên đội này có lẽ do đời sau “thêm thắt” vào, vì theo một tài liệu thì: “Để thưởng công cho họ nhà vua cho ba làng mới này được miễn mọi thứ thuế”.⁴²

thuyền thuộc tổng Bình Cách Trung, huyện Bình An, tỉnh Biên Hòa cũng là một ví dụ về cách thức tổ chức quân sự kiêm quản nhiệm vụ hành chính như trường hợp Thắng Tam ở Vũng Tàu.

³⁸ Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn Biên Hòa* (Đồng Nai, Sông Bé, Bà Rịa, Vũng Tàu), NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr.169.

³⁹ Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 9, Bản dịch Viện Sử học, NXB Thuận Hóa, 1993, tr.248-249.

⁴⁰ Huỳnh Minh, *Sđd*, tr.22-23, 63-65. Theo đó, sau này rất nhiều nhà nghiên cứu dựa vào thuyết này mà dẫn ra trong nhiều tài liệu như: Phạm Chí Thân chủ biên, *Di tích danh thắng Bà Rịa Vũng Tàu*, NXB Chính trị Quốc gia, 1996; *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thành phố Vũng Tàu (1930-1954)*, NXB Chính trị Quốc gia, 1998; Hương Mai, *Vũng Tàu những chặng đường lịch sử*, Tạp chí *Xưa và Nay*, tháng 1-2, 1999; Nguyễn Thị Tuyết chủ biên, *Bà Rịa Vũng Tàu đất và người*, NXB Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 1999; *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*, Tập 1, (1930-1954), NXB Chính trị Quốc gia, 2000...Nhưng không phải 3 làng Tam Thắng xưa được gọi là “ba làng Thắng Nhất thuyền, Thắng Nhì thuyền, Thắng Tam thuyền”(Đình Văn Hạnh, Phan An, *Lễ hội dân gian của ngư dân Bà Rịa-Vũng Tàu*, NXB Trẻ, 2004, tr.34).

⁴¹ Phạm Chí Thân-Nguyễn Cẩm Thúy, *Di sản Hán Nôm trong các di tích lịch sử-văn hóa Bà Rịa-Vũng Tàu*, *Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Bà Rịa-Vũng Tàu*, 2000, tr.108-109. Trong tài liệu này, các tác giả cho biết thời điểm được vua Minh Mạng sắc phong là năm 1840, không rõ dựa vào căn cứ nào. Huỳnh Ngọc Trảng chủ biên, *Sổ tay hành hương đất phương Nam*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr.179. Kết quả điều tra về thần tích các vị thần ở các làng của Viện Viễn Đông bác cổ vào năm 1939 cho biết: làng Thắng Nhất có 1 thành hoàng không rõ tên, làng Thắng Nhì có 1 thành hoàng không rõ tên, làng Thắng Tam có 1 nhân thần (Nam Hải).(Trương Thị Thọ-Nguyễn Văn Hội chủ biên, *Thư mục thần tích thần sắc*, Viện Thông tin Khoa học xã hội, 1997, tr.1267)

⁴² Thạch Phương-Nguyễn Trọng Minh chủ biên, *Sđd*, tr.117.

Hiện nay đình Thắng Tam chỉ lưu giữ 12 đạo sắc phong cho Đại Càn quốc gia Nam Hải Tứ vị thánh nương, Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thần (cá voi), Thiên Y Ana, Thủy Long thần nữ.⁴³

Một tài liệu khác cho rằng địa danh Vũng Tàu có tên là *Ô Trạm*⁴⁴ nhưng khảo qua sử liệu chúng tôi không thấy chúng được nhắc đến ở tài liệu nào.

Trong một bài viết, Nguyễn Hữu Thái cho biết theo sử sách nhà Nguyễn thì Vũng Tàu có tên là *Thuyền Áo* với nghĩa là “chỗ ven biển mà thuyền lớn đỗ được”.⁴⁵ Áo là một âm khác của *úc*, có nghĩa là “khúc sông, vùng biển ăn sâu vào đất liền”.⁴⁶

Vốn là một bán đảo trải dài theo hướng đông bắc – tây nam, ba bề biển cả bao la, nên *Vũng Tàu* còn được gọi theo tên tiếng Pháp là *Au Cap Saint Jacques*, tức đi ra mũi *Đất* (Aller au Cap)⁴⁷, đọc gọn lại là *Au Cap* (Ô Cáp)⁴⁸.

Địa danh *Ô Cáp* được nhiều nhà nghiên cứu cho là dịch từ tiếng Pháp *Au Cap* (Cap Saint Jacques) hoặc dịch sát nghĩa là mũi *Thánh Jacques*.⁴⁹

Có từ điển giải thích địa danh Vũng Tàu: “Ô Cáp là cách gọi tắt *Au Cap Saint Jacques* (gọi nôm na là Vũng Tàu)⁵⁰, có lẽ do chép lại từ cuốn *Từ điển địa danh lịch sử-văn hóa-du lịch Việt Nam*⁵¹ hoặc *Từ điển địa danh văn hóa và thắng cảnh Việt Nam*.⁵² Trong các sách viết về địa danh Vũng Tàu chúng ta chỉ thấy phổ biến cách gọi *Cap Saint Jacques* hoặc *Ô Cáp* (xuất hiện vào khoảng 1930).

Trong các tài liệu địa phương chỉ xuất bản vào đầu thế kỷ 20, thành phố *Cap Saint Jacques* vẫn thường được đọc gọn là *Cap*.⁵³

Vị trí của địa danh Vũng Tàu

Trong tiêu loại của địa danh Vũng Tàu, nhiều từ điển đã có sự nhầm lẫn khi xác định vị trí của địa danh này.

Đình Xuân Vịnh thì chép: “Vũng Tàu: núi đá hoa cương ở huyện Phước An, phủ Phước Tuy, tỉnh Biên Hòa, sau thuộc đặc khu Vũng Tàu- Côn Đảo, nay là tỉnh Bà Rịa-

⁴³ Phạm Chí Thân-Nguyễn Cẩm Thúy, Tlđđ, tr.108.

⁴⁴ *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thành phố Vũng Tàu (1930-1954)*, Sđđ, tr.13-14.

⁴⁵ Nguyễn Hữu Thái, *Bà Rịa – Vũng Tàu vùng đất giao lưu giữa Đông và Tây* (Tạp chí *Xưa và Nay*, số 104, tháng 11, 2001, tr.20) sau này in lại trong *Miền Đông Nam Bộ lịch sử & phát triển*, Bán nguyệt san Xưa & Nay – NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr.70.

⁴⁶ Nguyễn Quốc Hùng, *Hán Việt tân từ điển*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1975, tr.19, 769.

⁴⁷ Lữ Huy Nguyên-Giang Tấn, Sđđ, tr.26; Thạch Phương-Nguyễn Trọng Minh chủ biên, Sđđ, tr.119.

⁴⁸ Trong bài *100 năm Vũng Tàu* của Đình Văn Hạnh in trên báo *Vũng Tàu chủ nhật* xuân Ất Hợi 1995, sau được in lại trong cuốn *Bà Rịa Vũng Tàu đất và người* (Nguyễn Thị Tuyết chủ biên, NXB Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr.202) cho rằng vào thời Nguyễn, *Ô Cáp* là một tên gọi khác của *Vũng Tàu*. Cách hiểu như vậy là chưa chính xác vì mãi đến thời Pháp thuộc mới xuất hiện địa danh *Ô Cáp*.

⁴⁹ Huỳnh Minh, Sđđ, tr.33; Vương Hồng Sển, *Tự vị tiếng Việt miền Nam*, NXB Văn hóa, 1993, tr.713; Nguyễn Hữu Thái, Bđđ, tr.20.

⁵⁰ Đình Xuân Lâm chủ biên, *Từ điển địa danh lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2007, tr.441.

⁵¹ Nguyễn Văn Tân, *Từ điển địa danh lịch sử-văn hóa-du lịch Việt Nam*, NXB Văn hóa – Thông tin, 2002, tr.1417.

⁵² Nguyễn Như Ý chủ biên, *Từ điển địa danh văn hóa và thắng cảnh Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, 2004, tr.1121.

⁵³ *Monographie de la province de Bà Rịa et de la ville du Cap Saint Jacques*, Imprimerie L. Ménard, Saigon, 1902, p.6.

Vũng Tàu”.⁵⁴ Trong địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trước nay không hề có núi nào là núi Vũng Tàu cả. Có lẽ tác giả muốn nói đến ngọn núi Lớn cao 245m ở ngay trong nội ô thành phố Vũng Tàu hiện nay.

Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ cho rằng: “Vũng Tàu: mũi đá thuộc làng Thắng Tam, tổng An Phú Thượng, tỉnh Phước Tuy, dính liền với núi cùng tên, trên núi có hải đăng”.⁵⁵

Về sau, Vương Hồng Sển cũng ghi chép tương tự: “Vũng Tàu: mũi đá thuộc làng Thắng Tam, tổng An Phú Thượng, thuộc tỉnh Bà Rịa nay gọi tỉnh Phước Tuy”.⁵⁶

Viết như vậy không đúng, vì trên thực tế “mũi đá thuộc làng Thắng Tam” chính là ngọn núi Nhỏ (núi Tao Phùng), thuộc địa bàn làng Thắng Tam xưa.

Hoặc ở một chỗ khác ông viết: “Vũng Tàu: tên cửa biển vô sông Sài Gòn, Pháp, gọi *baie de Vũng Tàu* (nay thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)”.⁵⁷ Đã là cửa biển thì không thể gọi là “baie de Vũng Tàu”(vịnh Vũng Tàu) được! Ngay từ đầu thế kỷ 19, các nhà du hành phương Tây đã phân biệt rất rõ mũi “Cape St.James” (tức mũi Cap Saint Jacques) với vịnh “Vung-tau” (Vũng Tàu).⁵⁸

Theo Lữ Huy Nguyên và Giang Tấn thì: “Ô Cáp lúc đầu chỉ mũi Thùy Vân. Có hai cách gọi mũi Thùy Vân: hoặc là Ô Cáp hoặc là Ô Vẩn. Ô Vẩn, có lẽ là do từ chữ Pháp *Au Vent*⁵⁹ mà ra”.⁶⁰ Lý giải này khá xa với thực tế. Mũi Thùy Vân là mũi đất nhô ra biển, thuộc huyện Long Hải với ngọn núi cao nhất (327m) là đích ngắm chừng của những lái buôn ghe bầu ven biển ngày xưa: “*Ngoài Ba Lũy sóng rền cửa Cạn / Vát một hồi tỏ rạn Thùy Vân*” (Về lái vô).⁶¹ Hay trong những dòng ghi chép trong *Nam Kỳ nhơn vật điển ca* (1909) của Nguyễn Liên Phong: “*Trời canh cánh cũng lạ lòng / Hẹp sâu thủy khẩu quanh vòng Thùy Vân*”.⁶² Mũi Thùy Vân được ghi chép trong sách xưa chính là: “Lưỡi đất phôi ra ngoài biển, càng ra xa càng lớn”.⁶³

Nguyễn Văn Tân viết: “Ô Cáp: tiếng Việt, phiên âm từ *Au Cap* - tiếng Pháp chỉ mũi Phước Thắng, cao 170m, nhô ra ở phía đông mũi Gành Rái ở tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu”.⁶⁴ Thực ra địa danh *Au Cap* còn chỉ “mũi đất” hiểu là bán đảo Vũng Tàu chứ không phải là “mũi Phước Thắng” mà trên đó đặt phong hỏa đài dưới thời chúa Nguyễn và đặt thủ *Phước Thắng* vào năm 1824. Sách xưa đã mô tả về vị trí quan trọng này: “*Bảo Phước Thắng ở núi Trâu Nắm (Ngọa Ngưu) của Ghềnh Rái, cách huyện Phước An 29 dặm về phía tây nam. Năm Minh Mệnh thứ 20 (1839-NTL chú), xây theo hình vòng nguyệt, chu vi 44 trượng 8 tấc, cao 6 thước 3 tấc, mở một cửa gọi là*

⁵⁴ Đinh Xuân Vịnh, *Sổ tay địa danh Việt Nam*, Tái bản có chỉnh lý, bổ sung, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, tr.737.

⁵⁵ Lê Văn Đức-Lê Ngọc Trụ, *Việt Nam tự điển*, Quyển hạ, M-X, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1970, tr.270.

⁵⁶ Vương Hồng Sển, *Sđd*, tr.713.

⁵⁷ Vương Hồng Sển, *Sđd*, tr.713.

⁵⁸ John White, *Sđd*, p.168.

⁵⁹ Huỳnh Minh chú là: “ồ quần chim quần thời đồng bào ở đây thường ra hốt trứng”(Sđd, tr.33).

⁶⁰ Lữ Huy Nguyên, Giang Tấn, *Sđd*, tr.26. Hai tác giả này dựa vào cách giải thích của Huỳnh Minh (Sđd, tr.33)

⁶¹ Thạch Phương-Nguyễn Trọng Minh chủ biên, *Sđd*, tr.1015.

⁶² Nhiều tác giả, *Bà Rịa – Vũng Tàu xưa & nay*, Sở Văn hóa Thông tin Bà Rịa-Vũng Tàu, Tạp chí Xưa và Nay, 2000, tr.37.

⁶³ Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch và chú giải, *Sđd*, tr.37.

⁶⁴ Nguyễn Văn Tân, *Từ điển địa danh lịch sử-văn hóa-du lịch Việt Nam*, NXB Văn hóa – Thông tin, 2002, tr.931.

pháo đài, năm Thiệu Trị thứ 2 (1842-NTL chú), nắm giữ nơi hiểm, giữ vững biên cương. Có đặt thủ sở, đời Gia Long lấy có bờ phía bắc có Vũng Tàu, là chỗ tàu thuyền đi lại lấy củi nước, cho nên nay vẫn theo thế, có một thủ ngữ và một thửa biền trước gọi là thủ *Vũng Tàu*, năm Minh Mệnh thứ 5 (1824-NTL chú) đổi tên hiện nay. Năm Mậu Thân (1788), đầu đời trung hưng có đặt đài phong hỏa, nay bỏ”.⁶⁵Bảo Phước Thắng nay chính là vị trí của Bạch Dinh, nằm bên chân núi Lớn (núi Tương Kỳ).

Địa danh, địa giới hành chính của địa danh Vũng Tàu

Ngày 1-5-1895, Thống đốc Nam Kỳ ra nghị định tách thị xã Cap Saint Jacques (Vũng Tàu) ra khỏi tiểu khu hành chính Bà Rịa, lập thành phố tự trị Cap Saint Jacques (commune autonome) mà trung tâm là địa bàn làng Thắng Nhứt và vùng ngoại ô là 2 làng Thắng Nhì, Thắng Tam đều tách khỏi tổng An Phú Thượng, hạt tham biện Bà Rịa.

Ngày 29-1-1898, Thống đốc Nam Kỳ ra nghị định hợp nhất thành phố Cap Saint Jacques với tiểu khu Bà Rịa và gọi là khu Cap Saint Jacques (circonscription).

Ngày 11-11-1899, Thống đốc Nam Kỳ lại ra nghị định tách khu Cap Saint Jacques ra lập thành phố tự trị Cap Saint Jacques và tiểu khu Bà Rịa.

Ngày 1-4-1905, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định xóa bỏ thành phố Cap Saint Jacques. Địa bàn của thành phố này sáp nhập vào tỉnh Bà Rịa và mang tên đại lý hành chính Cap Saint Jacques thuộc tỉnh Bà Rịa.

Ngày 30-4-1929, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định bãi bỏ đại lý hành chính Cap Saint Jacques. Địa bàn của đại lý này là tổng Vũng Tàu, gồm 3 xã Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam được tách ra tỉnh Bà Rịa để lập thành một tỉnh riêng gọi là tỉnh Cap Saint Jacques.

Ngày 27-11-1934, giải thể tổng Vũng Tàu.

Ngày 28-12-1934, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định chuyển gọi tỉnh Cap Saint Jacques thành thành phố Cap Saint Jacques (commune). Tổng Vũng Tàu đổi thành xã Vũng Tàu; 3 xã Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam được đổi thành khu phố (quartier).⁶⁶

Ngày 10-10-1939, chia thị xã thành 2 vùng nội thị và ngoại thị, gồm 6 khu vực để đánh thuế.

Năm 1947 nâng cấp thành tỉnh Vũng Tàu.

Năm 1952 lại hạ xuống thành thị xã Vũng Tàu.

Ngày 22-10-1956, đổi thị xã Vũng Tàu thành quận Vũng Tàu, thuộc tỉnh Phước Tuy, gồm 4 xã: Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam, Sơn Long.

Ngày 8-9-1964, chuyển quận Vũng Tàu thành thị xã Vũng Tàu, gồm các xã: Vũng Tàu, Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam, Khắc Kỷ và một phần xã Phước Tỉnh.

⁶⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 5, Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, NXB Thuận Hóa, 1992, tr.65.

⁶⁶ Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, NXB Giáo dục, 1999, tr.226-227.

Ngày 30-5-1979, thị xã Vũng Tàu hợp với huyện Côn Đảo thành đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo.

Ngày 12-8-1991 giải thể đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo, thành lập thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ngày 16-9-1999, thành phố Vũng Tàu được xếp là đô thị loại 2.⁶⁷

Một vài nhận xét

- Vũng Tàu trước nay có nhiều tên gọi khác nhau. Từ thế kỷ 13, vùng đất này đã có tên *Chân Bò*. Từ đầu thế kỷ 16 trở đi được các nhà hàng hải, du hành phương Tây gọi với những cái tên khác nhau: *Oporto Cinco Chagas Verdareiras*, *Cinco Chagas*, *Saint Jacques*, *Cape St.James*, *Vung-tao*, *Pungtao*, *mũi Vịnh Tàu*...

- Trong các tài liệu của người Việt, địa danh này được gọi là *Vũng Tàu*, rồi dịch ra chữ Hán là *Thuyền Úc*. Bên cạnh đó có những địa danh liên quan như *Thắng Nhất*, *Thắng Nhì*, *Thắng Tam* (1790) được gọi chung là *Tam Thắng* hay “Tam Thuyền” (Tam Thoàn). Nguồn gốc của nó xuất phát từ các đơn vị quân đội cấp cơ sở mang tên *thuyền* dưới thời chúa Nguyễn. Hoặc địa danh này gắn với các đơn vị đồn trú như: thủ Vũng Tàu, thủ Phước Thắng, bảo Phước Thắng.

- Thời thuộc Pháp, Vũng Tàu trở thành đơn vị hành chính với tên gọi *Cap Saint Jacques*, *Cap* (sau này được Việt hóa là *Cáp*). Bên cạnh đó cũng có cách gọi “không chính thống” là *Au Cap* (đọc gọn từ *Aller au Cap*).

- Địa danh Vũng Tàu với tư cách đơn vị hành chính ở nhiều cấp khác nhau: đạo, xã, tổng, quận, thị xã, thành phố, tỉnh.

- Vị trí của địa danh Vũng Tàu cũng có nhiều cách hiểu khác nhau giữa “vũng biển”, “cửa biển”, “mũi đất”, “núi” với các tên gọi khác nhau: mũi đá thuộc làng Thắng Tam, mũi Phước Thắng, mũi Thuyền Vân, núi Vũng Tàu, núi đá hoa cương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Xuân Vịnh, *Sổ tay địa danh Việt Nam*, Tái bản có chỉnh lý, bổ sung, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
2. Huỳnh Minh, *Vũng Tàu xưa và nay*, Tác giả xb, Sài Gòn, 1970.
3. Lê Trung Hoa, *Tìm hiểu nguồn gốc địa danh Nam Bộ và tiếng Việt văn học*, Tái bản lần thứ nhất có bổ sung sửa chữa, NXB Khoa học xã hội, 2005.
4. Lữ Huy Nguyên-Giang Tấn, *Đất thắng cảnh Vũng Tàu*, NXB Văn hóa, 1987.
5. Lương Văn Lựu, *Biên Hòa sử lược toàn biên*, quyển 1, Tác giả xb, Sài Gòn, 1972.

⁶⁷ Nguyễn Đình Tư, *Từ điển địa danh hành chính Nam Bộ*, NXB Chính trị Quốc gia, 2008, tr.1329-1330.

6. *Monographie de la province de Bà Rịa et de la ville du Cap Saint Jacques*, Imprimerie L. Ménard, Saigon, 1902.
7. Nguyễn Dược, Trung Hải, *Sổ tay địa danh Việt Nam*, Tái bản lần thứ tám, chỉnh lý năm 2007, NXB Giáo dục, 2008.
8. Nguyễn Đình Tư, *Từ điển địa danh hành chính Nam Bộ*, NXB Chính trị Quốc gia, 2008.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 5, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, NXB Thuận Hóa, 1992.
10. Thạch Phương-Nguyễn Trọng Minh chủ biên, *Địa chí Bà Rịa-Vũng Tàu* NXB Khoa học xã hội, 2005.
11. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Tái bản lần thứ nhất, Lý Việt Dũng dịch và chú giải, Huỳnh Văn Tới hiệu đính, giới thiệu, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2006.
12. Vương Hồng Sển, *Tự vị tiếng Việt miền Nam*, NXB Văn hóa, 1993.